TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST
Ngày 28/11/2018
"V/v *Tranh chấp về hợp đồng Tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Vi Tình.
2. Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2018/TLST-DS ngày 03/5/2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/ QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ: 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn T - Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Gia Lai. Ủy quyền lại cho ông Trần Văn L - Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Gia Lai theo giấy ủy quyền số 03-18/NHNoDPĐGL-KHKD ngày 01/11/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1981 và bà Lê Thị Kiều P, sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ông Trường có mặt tại phiên tòa, bà Phương vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2018, người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Gia Lai theo hợp đồng tín dụng số 1858/HĐTD ngày 11/12/2015, với số tiền là 600.000.000 đồng. Thời hạn vay 48

tháng (từ ngày 11/12/2015 đến ngày 11/12/2019); định kỳ trả lãi 03 tháng/01 lần (theo phụ lục bổ sung hợp đồng số 01/BS/HĐTD ngày 06/9/2016 đã điều chỉnh định kỳ trả lãi 12 tháng/01 lần vào ngày 11); lãi suất vay 11%/năm; mục đích sử dụng vốn là xây nhà ở và mua đồ dùng gia đình và định kỳ trả gốc:

Kỳ 1: ngày 11/12/2016, số tiền 100.000.000 đồng

Kỳ 2: ngày 11/12/2017, số tiền 100.000.000 đồng

Kỳ 3: ngày 11/12/2018, số tiền 100.000.000 đồng

Kỳ 4: ngày 11/12/2019, số tiền 300.000.000 đồng

Ngày 11/12/2016 đến kỳ trả nợ nhưng ông T và bà P không thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn, sau đó Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến ngày 11/12/2017 (theo phụ lục bổ sung hợp đồng số 02/BS/HĐTD ngày 05/12/2016), nhưng ông T và bà P vẫn không thanh toán tiền gốc và lãi đến hạn. Ngày 12/12/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ đến kỳ phải trả sang nợ quá hạn và Ngân hàng đã làm việc với hộ vay nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Tính đến ngày 18/4/2018 ông T và bà P còn nợ Ngân hàng: tiền gốc 600.000.000đồng; tiền lãi suất trong hạn 103.766.667 đồng; tiền lãi quá hạn 3.911.111 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 707.677.778 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn và lãi suất phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm. Trường hợp ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1858/HĐTC ngày 11/12/2015, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BX 270806; tờ bản đồ số: 38; thửa đất số; 297d; diện tích: 239,8m^2; vị trí đất tại: tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày: Đề nghị Tòa án buộc ông T và bà P phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Gia Lai toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: nợ gốc 600.000.000 đồng + nợ lãi trong hạn 144.833.333 đồng + nợ lãi quá hạn 10.755.556 đồng = 755.588.889 đồng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Quốc T công nhận tháng 12/2015 vợ chồng ông có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Gia Lai với số tiền là 600.000.000 đồng, nhưng vì làm ăn thua lỗ nên chưa có khả năng trả nợ. Tính tới thời điểm hiện tại vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng gồm nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn là 755.588.889 đồng như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng, đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông trả dần trong 03 năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T và bà P nhiều lần nhưng ông T và bà P không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời khai của trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/10/2018 các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án để chứng

minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: 01 giấy chứng nhận đăng kí hoạt động chi nhánh; 01 Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐQT-PC ngày 19/6/2014; 01 Quyết định ủy quyền số 14 ngày 18/4/2018; 01 chứng minh nhân dân; 01 sổ theo dõi cho vay thu nợ; 01 Hợp đồng tín dụng số 1858/HĐTD ngày 11/12/2015; 02 phụ lục bổ sung hợp đồng tín dụng; 01 Hợp đồng thế chấp tài sản số 1858/HĐTC ngày 11/12/2015; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 270806 do UBND huyện Đ cấp ngày 13/6/2015; 01 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; 01 giấy đề nghị kiêm phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ; 01 báo cáo thẩm định; 01 biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm; 01 Thông báo chuyển nợ quá hạn; 03 giấy mời; 01 thông báo nợ lãi đến hạn và 01 bản tự khai.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: không có. Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Quốc T cung cấp 01 giấy phép lái xe của ông Nguyễn Quốc T.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299; Điều 300 và Điều 303; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P phải liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Gia Lai toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 755.588.889 đồng. Trường hợp ông T và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P phải trả toàn bộ khoản nợ vay cùng với lãi suất. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông T và bà P không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều 173, Điều

179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Gia Lai theo hợp đồng tín dụng số 1858/HĐTD ngày 11/12/2015, với số tiền là 600.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 11/12/2015 đến ngày 11/12/2019); định kỳ trả lãi 12 tháng/01 lần; lãi suất vay 11%/năm; mục đích sử dụng vốn là xây nhà ở và mua đồ dùng gia đình.

Xét về hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, thỏa thuận lãi và thỏa thuận về mục đích sử dụng vốn vay, nhưng trong quá trình sử dụng vốn ông T và bà P không thực hiện việc trả gốc và lãi theo định kỳ đúng quy định là vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận tại Điều 3 và Điều 4 của hợp đồng tín dụng, nên ngày 05/12/2016 và ngày 11/12/2017 Ngân hàng cùng với ông T và bà P tiến hành lập biên bản làm việc có nội dung ông T cam kết trả nợ đúng hạn nhưng sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 12/12/2017 Ngân hàng đã ra thông báo chuyển số tiền nợ gốc đến hạn phải trả sang nợ quá hạn để làm căn cứ và thủ tục khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà P phải trả toàn bộ số tiền vay và lãi suất theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng không đồng ý cho bị đơn trả dần trong 03 năm. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà P trả toàn bộ nợ gốc và lãi suất là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét hợp đồng thế chấp: Giữa các bên lập hợp đồng thế chấp số 1858/HĐTC ngày 11/12/2015, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P là hợp pháp đúng về nội dung và hình thức, nên việc Ngân hàng yêu cầu trường hợp ông T và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án thu hồi nợ là đúng theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Gia Lai toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi suất và tiền lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là: nợ gốc 600.000.000 đồng + nợ lãi trong hạn 144.833.333 đồng + nợ lãi quá hạn 10.755.556 đồng = 755.588.889 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P không thanh toán được khoản nợ trên, thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng cùng với tiền lãi và lãi suất quá hạn phát sinh. Tài sản thế chấp gồm: Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BX 270806; tờ bản đồ số: 38; thửa đất số; 297d; diện tích: 239,8m^2; vị trí đất tại: tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia

Lai cấp ngày 13/6/2015 cho ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P. Tài sản trên đất gồm: nhà cấp 3A, 02 tầng; diện tích xây dựng 93,06m^2; tổng diện tích sử dụng: 190, 82m^2 và các tài sản khác gắn liền trên đất.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh.

[3] Về án phí: ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Gia Lai toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi suất và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: nợ gốc 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) + nợ lãi trong hạn 144.833.333 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) + nợ lãi quá hạn 10.755.556 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng) = 755.588.889 đồng (bảy trăm năm mươi lăm triệu năm trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

Việc tính lãi và lãi suất quá hạn đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết, kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

[2] Trường hợp ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P không thanh toán được khoản nợ trên, thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng cùng với tiền lãi và lãi suất quá hạn phát sinh. Tài sản thế chấp gồm: Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BX 270806; tờ bản đồ số: 38; thửa đất số; 297d; diện tích: 239,8m^2; vị trí đất tại: tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/6/2015 cho ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P. Tài sản trên đất

gồm: nhà cấp 3A, 02 tầng; diện tích xây dựng 93,06m^2; tổng diện tích sử dụng: 190, 82m^2 và các tài sản khác gắn liền trên đất.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì buộc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh.

[3] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị Kiều P phải liên đới chịu 34.223.555 đồng (ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 16.153.556 đồng (Mười sáu triệu một trăm năm mươi ba nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004263 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, Gia Lai.

[4] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 28/11/2018. Bị đơn bà Phương vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình